

TP.HCM, ngày 19 tháng 06 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
Về việc khảo sát, chào giá mua tài sản thanh lý

Kính gửi: Quý công ty/cá nhân mua tài sản thanh lý

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức có kế hoạch thanh lý tài sản gói số 01 năm 2024 (*Bảng kê chi tiết tài sản đính kèm*).

Trân trọng kính mời Quý công ty/cá nhân đến khảo sát và báo giá cho chúng tôi với phạm vi hàng hóa thanh lý là 234 tài sản.

Quý công ty/cá nhân gửi bảng giá chào theo thông tin như sau:

- Bảng chào giá bỏ trong phong bì và được dán kín, niêm phong.
- Giá khởi điểm: 6.920.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng*) (*đã bao gồm thuế theo quy định và các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến tài sản thanh lý*).
- Gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Hành chính Nhân sự - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, Số 50A, đường Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: 028.38966806 - EXT: 4201
- Hạn cuối tiếp nhận thư chào giá: đến 09 giờ 00 ngày 25/06/2024.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

GIÁM ĐỐC



Tô Thị Hồng Loan

DANH SÁCH TÀI SẢN THANH LÝ

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
1	0384.154146000006.0000	0380.154146000055.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
2	0384.154146000005.0000	0380.154146000054.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
3	0384.154146000003.0000	0380.154146000053.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
4	0384.154146000002.0000	0380.154146000052.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
5	0384.154146000001.0000	0380.154146000051.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
6	0384.154146000000.0000	0380.154146000050.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
7	0383.154146000007.0000	0380.154146000049.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
8	0383.154146000005.0000	0380.154146000048.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
9	0383.154146000004.0000	0380.154146000047.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
10	0383.154146000003.0000	0380.154146000046.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
11	0383.154146000002.0000	0380.154146000045.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
12	0382.154146000004.0000	0380.154146000044.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
13	0382.154146000002.0000	0380.154146000043.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
14	0382.154146000001.0000	0380.154146000042.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
15	0382.154146000000.0000	0380.154146000041.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
16	0381.154146000006.0000	0380.154146000040.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
17	0381.154146000004.0000	0380.154146000039.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
18	0381.154146000003.0000	0380.154146000038.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
19	0381.154146000002.0000	0380.154146000037.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
20	0381.154146000001.0000	0380.154146000036.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
21	0381.154146000000.0000	0380.154146000035.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
22	0380.154146000033.0000	0380.154146000033.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
23	0380.154146000032.0000	0380.154146000032.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
24	0380.154146000031.0000	0380.154146000031.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
25	0380.154146000030.0000	0380.154146000030.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
26	0380.154146000029.0000	0380.154146000029.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
27	0380.154146000028.0000	0380.154146000028.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
28	0380.154146000022.0000	0380.154146000022.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
29	0380.154146000021.0000	0380.154146000021.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
30	0380.154146000020.0000	0380.154146000020.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
31	0380.154146000019.0000	0380.154146000019.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
32	0380.154146000018.0000	0380.154146000018.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
33	0380.154146000017.0000	0380.154146000017.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
34	0380.154146000016.0000	0380.154146000016.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
35	0380.154146000015.0000	0380.154146000015.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
36	0380.154146000014.0000	0380.154146000014.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
37	0380.154146000013.0000	0380.154146000013.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
38	0380.154146000012.0000	0380.154146000012.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
39	0380.154146000011.0000	0380.154146000011.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
40	0380.154146000010.0000	0380.154146000010.0000	2 Micro đàm thoại giữa khách hàng và nhân viên
41	0380200102.0009'17	0380.154154000072.0000	BÀN LAM VIEC (600 X 1200 X 750)
42	0380200102.0007'17	0380.154154000066.0000	BÀN LAM VIEC (600 X 1200 X 750)
43	0380200102.0006'17	0380.154154000063.0000	BÀN LAM VIEC (600 X 1200 X 750)
44	0380200102.0020'17	0380.154154000102.0000	BÀN LÀM VIỆC CHÍNH-GỖ (1300 X 700 X 750)
45	0380200102.0019'17	0380.154154000100.0000	BÀN LÀM VIỆC CHÍNH-GỖ (1300 X 700 X 750)
46	0380200102.0018'17	0380.154154000098.0000	BÀN LÀM VIỆC CHÍNH-GỖ (1300 X 700 X 750)
47	0380200102.0017'17	0380.154154000096.0000	BÀN LÀM VIỆC CHÍNH-GỖ (1400 X 700 X 750)
48	0380200102.0018'18	0380.154154000099.0000	Bàn làm việc nhân viên. Matej bàn MFC dày 25mm,600x1200
49	0380200102.0010'15	0380.154154000075.0000	Bàn làm việc P.KH (1200 x 700 x

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
			750)
50	0380200101.0001'17	0380.154154000005.0000	BÀN LÀM VIỆC PHỤ-GỖ (1000 X 400 X 750)
51	0380200101.0005'17	0380.154154000015.0000	BÀN LÀM VIỆC PHỤ-GỖ (950 X 400 X 750)
52	0380200101.0004'17	0380.154154000012.0000	BÀN LÀM VIỆC PHỤ-GỖ (950 X 400 X 750)
53	0380200101.0003'17	0380.154154000010.0000	BÀN LÀM VIỆC PHỤ-GỖ (950 X 400 X 750)
54	0380200101.0002'17	0380.154154000008.0000	BÀN LÀM VIỆC PHỤ-GỖ (950 X 400 X 750)
55	0380.154154001279.0000	0380.154154001279.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
56	0380.154154001278.0000	0380.154154001278.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
57	0380.154154001277.0000	0380.154154001277.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
58	0380.154154001276.0000	0380.154154001276.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
59	0380.154154001275.0000	0380.154154001275.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
60	0380.154154001274.0000	0380.154154001274.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
61	0380.154154001273.0000	0380.154154001273.0000	Bàn làm việc. KT: Dài: 1200mm, Rộng: 600mm, Cao:7
62	0380200102.0012'17	0380.154154000082.0000	BÀN PHỤ BÀN DI ĐỘNG (500 X 850 X 700)
63	0382200204.0002'08	0382.154157000027.0000	BÀN TRON INOX 1.2M
64	0380200102.0002'15	0380.154154000045.0000	Bàn trường, phó phòng P.KH (1400 x 700 750)
65	0380.154149000067.0000	0380.154149000067.0000	Băng chuyền (bàn 1400x600x750+ băng chuyền + khay)
66	0382.154149000005.0000	0381.154149000032.0000	Băng chuyền (bàn 400x800x1100+ băng chuyền + khay)
67	0382.154149000004.0000	0381.154149000031.0000	Băng chuyền (bàn 400x800x1100+ băng chuyền + khay)
68	0381.154149000023.0000	0380.154149000091.0000	Băng chuyền (bàn 400x800x850+ băng chuyền + khay)
69	0380.154149000066.0000	0380.154149000066.0000	Băng chuyền (bàn 400x800x850+ băng chuyền + khay)
70	0380.154149000065.0000	0380.154149000065.0000	Băng chuyền (bàn 400x800x850+ băng chuyền + khay)
71	0380.154149000064.0000	0380.154149000064.0000	Băng chuyền (bàn 400x800x850+ băng chuyền + khay)

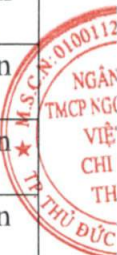
STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
72	0380.154149000063.0000	0380.154149000063.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
73	0380.154149000062.0000	0380.154149000062.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
74	0380.154149000061.0000	0380.154149000061.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
75	0380.154149000060.0000	0380.154149000060.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
76	0380.154149000059.0000	0380.154149000059.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
77	0380.154149000058.0000	0380.154149000058.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
78	0380.154149000057.0000	0380.154149000057.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
79	0380.154149000056.0000	0380.154149000056.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
80	0380.154149000055.0000	0380.154149000055.0000	Băng chuyển (bàn 400x800x850+ băng chuyển + khay)
81	0383.154149000012.0000	0381.154149000033.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x1100+ băng chuyển + khay)
82	0384.154149000016.0000	0380.154149000103.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)
83	0384.154149000015.0000	0380.154149000102.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)
84	0383.154149000016.0000	0380.154149000097.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)
85	0381.154149000028.0000	0380.154149000096.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)
86	0380.154149000078.0000	0380.154149000078.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)
87	0380.154149000077.0000	0380.154149000077.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)
88	0380.154149000076.0000	0380.154149000076.0000	Băng chuyển (bàn 800x400x850+ băng chuyển + khay)

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
89	0380.154149000075.0000	0380.154149000075.0000	Băng chuyền (bàn 800x400x850+ băng chuyền + khay)
90	0380.154149000074.0000	0380.154149000074.0000	Băng chuyền (bàn 800x400x850+ băng chuyền + khay)
91	0380.154149000073.0000	0380.154149000073.0000	Băng chuyền (bàn 800x400x850+ băng chuyền + khay)
92	0380.154137000017.0000	0380.154137000017.0000	CAMERA
93	0380A025.0011'12	0380.154137000010.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
94	0380A025.0010'12	0380.154137000009.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
95	0380A025.0009'12	0380.154137000008.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
96	0380A025.0008'12	0380.154137000007.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
97	0380A025.0007'12	0380.154137000006.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
98	0380A025.0006'12	0380.154137000005.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
99	0380A025.0005'12	0380.154137000004.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
100	0380A025.0004'12	0380.154137000003.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
101	0380A025.0003'12	0380.154137000002.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
102	0380A025.0002'12	0380.154137000001.0000	CAMERA BAN CAU HONG NGOAI
103	0380A025.0016'12	0380.154137000015.0000	CAMERA THAN DAI HONG NGOAI
104	0380A025.0015'12	0380.154137000014.0000	CAMERA THAN DAI HONG NGOAI
105	0380A025.0014'12	0380.154137000013.0000	CAMERA THAN DAI HONG NGOAI
106	0380A025.0013'12	0380.154137000012.0000	CAMERA THAN DAI HONG NGOAI
107	0380A025.0012'12	0380.154137000011.0000	CAMERA THAN DAI HONG NGOAI
108	0380.154154000354.0000	0380.154154000354.0000	Ghế EP 104
109	0380.154154000353.0000	0380.154154000353.0000	Ghế EP 104
110	0380.154154000352.0000	0380.154154000352.0000	Ghế EP 104
111	0380.154154000351.0000	0380.154154000351.0000	Ghế EP 104

NG
HƯ
AM
AN
ƯC
P. HP

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
112	0380.154154000350.0000	0380.154154000350.0000	Ghế EP 104
113	0380.154154000349.0000	0380.154154000349.0000	Ghế EP 104
114	0380.154154000348.0000	0380.154154000348.0000	Ghế EP 104
115	0381.154154000122.0000	0381.154154000122.0000	Ghế PGDPT
116	0382200199.0018'04	0382.154157000013.0000	GHE SALON TAY GO (1 CHO NGOI)
117	0382200199.0017'04	0382.154157000012.0000	GHE SALON TAY GO (1 CHO NGOI)
118	0382200199.0016'04	0382.154157000011.0000	GHE SALON TAY GO (3 CHO NGOI)
119	0380.154161000108.0000	0380.154161000108.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
120	0380.154161000109.0000	0380.154161000109.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
121	0380.154161000110.0000	0380.154161000110.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
122	0381.154161000018.0000	0381.154161000018.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
123	0381.154161000015.0000	0381.154161000015.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
124	0381.154161000014.0000	0381.154161000014.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
125	0381.154161000013.0000	0381.154161000013.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
126	0381.154161000012.0000	0381.154161000012.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
127	0380.154161000054.0000	0380.154161000054.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
128	0380.154161000060.0000	0380.154161000060.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
129	0380.154161000061.0000	0380.154161000061.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
130	0380.154161000062.0000	0380.154161000062.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
131	0380.154161000063.0000	0380.154161000063.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
132	0380.154161000064.0000	0380.154161000064.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
133	0380.154161000065.0000	0380.154161000065.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
134	0380.154161000066.0000	0380.154161000066.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
135	0380.154161000067.0000	0380.154161000067.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
136	0380.154161000068.0000	0380.154161000068.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
137	0380.154161000069.0000	0380.154161000069.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
138	0380.154161000070.0000	0380.154161000070.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
139	0380.154161000071.0000	0380.154161000071.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
140	0380.154161000072.0000	0380.154161000072.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
141	0380.154161000073.0000	0380.154161000073.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
142	0380.154161000091.0000	0380.154161000091.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
143	0380.154161000092.0000	0380.154161000092.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
144	0380.154161000093.0000	0380.154161000093.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
145	0380.154161000094.0000	0380.154161000094.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
146	0380.154161000095.0000	0380.154161000095.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
147	0380.154161000096.0000	0380.154161000096.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
148	0380.154161000097.0000	0380.154161000097.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
149	0380.154161000098.0000	0380.154161000098.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT(190x90x30)cm
150	0380.154161000099.0000	0380.154161000099.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
151	0380.154161000100.0000	0380.154161000100.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
152	0380.154161000101.0000	0380.154161000101.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
153	0380.154161000102.0000	0380.154161000102.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
154	0380.154161000106.0000	0380.154161000106.0000	Giường gấp khung sắt, sơn tĩnh điện KT 190x100x30cm
155	0380150304001.0000000012	0380.150348000008.0000	HỆ THỐNG CAMERA
156	0380150304001.0000000013	0380.150348000009.0000	HỆ THỐNG CAMERA PGD
157	0380200199.0017'18	0380.154157000032.0000	Hộc di động 2 ngăn
158	0380200199.0016'18	0380.154157000030.0000	Hộc di động 2 ngăn
159	0380200199.0015'18	0380.154157000028.0000	Hộc di động 2 ngăn
160	0380200199.0014'18	0380.154157000026.0000	Hộc di động 2 ngăn
161	0380200199.0013'18	0380.154157000024.0000	Hộc di động 2 ngăn
162	0380200199.0012'18	0380.154157000022.0000	Hộc di động 2 ngăn
163	0380200199.0011'18	0380.154157000020.0000	Hộc di động 2 ngăn
164	0380200199.0010'18	0380.154157000018.0000	Hộc di động 2 ngăn



STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
165	0380200799.0013'18	0380.154157000176.0000	KE TRUNG BAY (D20 X W35 X H100)
166	0380200799.0012'18	0380.154157000174.0000	KE TRUNG BAY (D20 X W80 X H60)
167	0381201199.0002'16	0381.154133000000.0000	MÁY FAX PANASONIC KX - FL612
168	0384201199.0006'08	0384.154133000001.0000	MAY FAX LASER PANASONIC KX-FL6
169	0383200899.0002'13	0383.154161000005.0000	LO VI SONG ELECTROLUX EMM2007X
170	0383150304002.0000000031	0383.150355000002.0000	MAY DIEU HOA NHIEU DO TREO TUONG DAIKIN 2.5HP(22,500BTU)
171	0383150304002.0000000030	0383.150355000001.0000	MAY DIEU HOA NHIEU DO TREO TUONG DAIKIN 2.5HP(22,500BTU)
172	0380200299.0001'12	0380.154157000129.0000	MAY DO HUYET AP 6052
173	0380201199.0005'18	0380.154133000000.0000	MAY FAX PANASONIC KXFL 612
174	0382150304002.0000000024	0382.150355000000.0000	MAY LANH AM TRAN DAIKIN 2.5HP (I)
175	0382154104002.0000000027	0382.154144000001.0000	MAY LANH DAIKIN 2HP
176	0382154104002.0000000026	0382.154144000000.0000	MAY LANH DAIKIN 2HP
177	0384.154150000000.0000	0384.154150000000.0000	MAY SOI TIEN AGUS
178	0384200299.0031'18	0384.154157000027.0000	O KHOA
179	0384200299.0030'18	0384.154157000026.0000	O KHOA
180	0384200299.0029'18	0384.154157000025.0000	O KHOA
181	0381.154153000008.0000	0381.154153000008.0000	Sofa khách chờ băng dài. KT: Dài: 3300, Rộng:450
182	0381.154153000007.0000	0381.154153000007.0000	Sofa khách chờ băng dài. KT: Dài: 3300, Rộng:450
183	0383200209.0005'10	0383.154161000000.0000	THANG NHOM
184	0380200299.0015'07	0380.154157000143.0000	THUNG DUNG TIEN (INOX 250*200*150)
185	0384200299.0028'09	0384.154157000024.0000	THUNG DUNG TIEN (INOX DAY 1,2 MM)
186	0381200299.0012'07	0381.154157000029.0000	THUNG INOX (400*300*300)
187	0380200299.0011'07	0380.154157000141.0000	THUNG INOX (400*300*300)
188	0380.154145000004.0000	0380.154145000004.0000	TIVI LED DARLING 55HD955T2

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
189	0381.150342000000.0000	0381.150342000000.0000	TONG DAI DIEN THOAI PANASONIC KX-TDA100
190	0380200107.0003'17	0380.154156000010.0000	TU HO SO CAO (500 X 2400 X 2100)
191	0380.154156000491.0000	0380.154156000491.0000	TỦ HỒ SƠ CAO 800 x 400 x 2150 (CÓ VÁCH NGẮN)
192	0380.154156000490.0000	0380.154156000490.0000	TỦ HỒ SƠ CAO 800 x 400 x 2150 (CÓ VÁCH NGẮN)
193	0380.154156000200.0000	0380.154156000200.0000	Tủ hồ sơ cao. KT: Dài: 800mm, Rộng: 400mm, Cao:22
194	0380.154156000199.0000	0380.154156000199.0000	Tủ hồ sơ cao. KT: Dài: 800mm, Rộng: 400mm, Cao:22
195	0380.154156000198.0000	0380.154156000198.0000	Tủ hồ sơ cao. KT: Dài: 800mm, Rộng: 400mm, Cao:22
196	0380.154156000197.0000	0380.154156000197.0000	Tủ hồ sơ cao. KT: Dài: 800mm, Rộng: 400mm, Cao:22
197	0380.154156000196.0000	0380.154156000196.0000	Tủ hồ sơ cao. KT: Dài: 800mm, Rộng: 400mm, Cao:22
198	0380.154156000195.0000	0380.154156000195.0000	Tủ hồ sơ cao. KT: Dài: 800mm, Rộng: 400mm, Cao:22
199	0382.154156000035.0000	0382.154156000035.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
200	0382.154156000034.0000	0382.154156000034.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
201	0382.154156000033.0000	0382.154156000033.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
202	0382.154156000032.0000	0382.154156000032.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
203	0382.154156000031.0000	0382.154156000031.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
204	0382.154156000030.0000	0382.154156000030.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
205	0382.154156000029.0000	0382.154156000029.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
206	0382.154156000028.0000	0382.154156000028.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
207	0382.154156000026.0000	0382.154156000026.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
208	0382.154156000025.0000	0382.154156000025.0000	TỦ HỒ SƠ TREO (1000 X 350 X 800)
209	0380200899.0016'11	0380.154161000023.0000	TU LANH SANYO SR-5KR(MG)
210	0380200299.0008'18	0380.154157000137.0000	Tủ nhôm 40 x 125 x 240 cm
211	0380.154156000193.0000	0380.154156000193.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,
212	0380.154156000192.0000	0380.154156000192.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,
213	0380.154156000191.0000	0380.154156000191.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,

STT	Mã Barcode	Mã tài sản	Tên tài sản
214	0380.154156000190.0000	0380.154156000190.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,
215	0380.154156000189.0000	0380.154156000189.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,
216	0380.154156000188.0000	0380.154156000188.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,
217	0380.154156000187.0000	0380.154156000187.0000	Tủ phụ bàn làm việc. KT: Dài: 840mm, Rộng:500mm,
218	0380.154156000489.0000	0380.154156000489.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
219	0380.154156000488.0000	0380.154156000488.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
220	0380.154156000487.0000	0380.154156000487.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
221	0380.154156000486.0000	0380.154156000486.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
222	0380.154156000485.0000	0380.154156000485.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
223	0380.154156000484.0000	0380.154156000484.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
224	0380.154156000483.0000	0380.154156000483.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
225	0380.154156000482.0000	0380.154156000482.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
226	0380.154156000481.0000	0380.154156000481.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
227	0380.154156000480.0000	0380.154156000480.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
228	0380.154156000479.0000	0380.154156000479.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
229	0380.154156000478.0000	0380.154156000478.0000	TỦ THÁP GỖ GHÉP OAK (840 X 500 X 640)
230	0384200502.0011'10	0384.154157000031.0000	VA LY (TUI XACH TAY)
231	0383200401.0006'09	0383.154161000003.0000	XE DAY PRESTAR NF-301
232	0384200401.0005'08	0384.154161000000.0000	XE DAY TAY 4 BANH
233	0381200401.0004'08	0381.154161000002.0000	XE DAY TIEN-JUBO
234	0381154104002.0000000029	0381.154140000000.0000	MAY PHOTOCOPY RICOH MP 2001